

Hồng Sơn, ngày 06 tháng 10 năm 2025

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN CÔNG KHAI
TRONG TRƯỜNG MẦM NON NĂM HỌC 2025 - 2026
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

A. CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC MẦM NON:

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được.	98%	98%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện.	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD tiên tiến Steam	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD tiên tiến Steam
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.	90%	96%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở.	Đảm bảo 100%	Đảm bảo 100%

B. CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON:

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	321	73	53	92	103
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	321	73	53	92	103
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	321	73	53	92	103
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	321	73	53	92	103

IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	321	73	53	92	103
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	321	73	53	92	103
1	Phát triển bình thường về cân nặng	317	73	53	90	101
2	Suy dinh dưỡng cân nặng (thể nhẹ)	4	0	0	2	2
3	Phát triển bình thường về chiều cao	371	73	53	90	101
4	Trẻ thấp còi	4	0	0	2	2
5	Số trẻ em thừa cân, béo phì	1	0	0	0	1
VI	Số trẻ em học chương trình chăm sóc giáo dục mầm non	321	73	53	92	103

C. CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /trẻ em
I	Số điểm trường	01	-
II	Tổng số phòng	28	-
1	Loại phòng học	14	2,7 m ² /trẻ em
2	Phòng chức năng, hiệu bộ, Y tế, vi tính, thư viện, hành chính quản trị	10	-
III	Tổng DT đất toàn trường (m ²)	4.065	10,70 m ² /trẻ
IV	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	2.200	5,78 m ² /trẻ em
V	Diện tích phòng SH chung (m ²)	1.036	2,7m ² /trẻ em
VI	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	225	0,36 m ² /trẻ em
VII	Diện tích nhà bếp (m ²)	120	-
VIII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	380	321/14 lớp
IX	Máy vi tính dành cho CB, GV, NV	6	-
X	Máy tính trẻ em	0	-
XI	Máy chiếu	2	-
XII	Máy in	6	-
XIII	Nhạc cụ (Đàn organ)	1	-
XIV	Ti vi	14	-

XV	Máy phô tô	0	-
XVI	Đầu Video/đầu đĩa	0	-
XVII	Điều hòa	30	-
XVIII	Đồ chơi ngoài trời (loại)	8	-
XIX	Bàn ghế đúng quy cách (bộ)	190	-

D. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN:

TT	Nội dung	T số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Xếp loại chuẩn nghề nghiệp		
			Đ H	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	XS	Khá	TB
	Tổng số CBQL, GV và NV	63	42	15	5	1	0	34	10	18	27	
I	Cán bộ Q.Lý	3	3						3	3		
1	Hiệu trưởng	1	1						1	1		
2	P.Hiệu trưởng	2	2						2	2		
II	Giáo viên	41	37	4	0	0	0	34	7	15	27	0
1	Nhà trẻ	11	8	3	0		0	10	1	2	9	0
2	Mẫu giáo	30	29	1				24	6	13	18	
III	Nhân viên	19	2	11	5	1						
1	NV Kế toán	1	1									
2	NV Y tế	1			1							
3	NV Nuôi dưỡng	12		11	1							
4	NV phục vụ	1	1									
5	NV bảo vệ	4			3	1						

Trên đây là bản cam kết về việc thực hiện ba công khai của trường MN Hồng Sơn năm học 2025 - 2026. Rất mong được sự phối kết hợp và tạo điều kiện của các bậc phụ huynh trong toàn trường để giúp cho nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra./.

Nơi nhận:

- UBND xã Hồng Sơn (để b/c);
- Trường MN Hồng Sơn (để t/h);
- Lưu website, VT./.


HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Cửa

E. CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN

UBND XÃ HỒNG SƠN
TRƯỜNG MN HỒNG SƠN

Số: 150 /TT-MNHS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Sơn, ngày 06 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2025 -2026

Kính gửi: - UBND Xã Hồng Sơn
- Phòng Văn Hóa- Xã hội xã Hồng Sơn

Thực hiện công văn số 3375/SGĐT-KHTC ngày 28/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội, Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026: Hướng dẫn số 349/UBND- VHXXH ngày 15/9/2025 của UBND – VHXXH xã Hồng Sơn về việc tăng cường thu chi năm học 2025-2026

Sau khi thống nhất tại các hội nghị: Ban giám hiệu, Hội đồng nhà trường, Ban đại diện CMHS trường, CMHS; trường Mầm non Hồng Sơn đề nghị Phòng Văn hóa- Xã hội xã Hồng Sơn phê duyệt các khoản thu năm học 2025 - 2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mức thu	Ghi chú
1	Tiền phục vụ bán trú:		
	- Tiền ăn:	25.000đ	(HS/ngày)
	- Tiền chăm sóc bán trú:	235.000đ	(HS/tháng)
	- Tiền trang thiết bị phục vụ bán trú:	200.000đ	(HS/năm)
2	Tiền nước uống tinh khiết:	15.000đ	(HS/tháng)

PHÊ DUYỆT
CỦA PHÒNG VH-XXH XÃ HỒNG SƠN



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Tiến Thành



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Cúc